

Biểu tượng - Khởi sinh của văn hóa

Nguyễn Tiến Dũng^(*)

Hoàng Thị Minh Tâm^(**)

Tóm tắt: *Biểu tượng không chỉ là bản thể luận của văn hóa mà còn là hiện thân văn hóa. Với tư cách là khúc dạo đầu hay khởi sinh của văn hóa, biểu tượng và văn hóa là sự thống nhất của bóng và hình. Cho đến nay, dù còn nhiều tranh luận về biểu tượng nhưng phần lớn giới văn hóa học đều thừa nhận biểu tượng là khuôn đúc để khởi nguồn cho dòng chảy của văn hóa. Với ý nghĩa đó, trong bài viết này, các tác giả bước đầu khơi mở nguồn gốc của biểu tượng, phác thảo vai trò của biểu tượng trong hình thành văn hóa và ý nghĩa của nó với đời sống.*

Từ khóa: Biểu tượng, Khởi sinh, Bản thể luận, Văn hóa, Hình và bóng

1. Biểu tượng là hệ thống ngôn ngữ ký hiệu và là khởi sinh của văn hóa. Nếu hình dung văn hóa của nhân loại là một tòa lâu đài thì biểu tượng là những viên gạch tác tạo nên tòa lâu đài đó. Có thể so sánh biểu tượng với *nguyên tử* của triết gia Hy Lạp cổ đại Democritus (460-370 TCN), *đơn tử* của nhà duy lý cận đại Đức Leibniz (1646-1716) và *đạo* của Lão Tử (605-631 TCN), nếu xét biểu tượng là bản thể luận của văn hóa.

Với quan điểm đó, nhà văn hóa học Nga A.A. Radugin khẳng định: “Về mặt hình thức bề ngoài, văn hóa là thế giới của những hình thái biểu tượng. Thể hiện văn hóa thông qua các biểu tượng, con người bảo tồn được năng lượng tâm lý và chiều

sâu ngoài duy lý, là những thứ có nguy cơ mất đi trong lúc chúng ta cố thể hiện ra bên ngoài và truyền đạt các ý nghĩa văn hóa. Biểu tượng đảm bảo việc kế thừa sáng tạo đối với văn hóa, biến nội dung tư tưởng đã được tích lũy và thể hiện trong biểu tượng thành điểm khởi đầu cho phát triển sáng tạo của những thế hệ sau” (A.A. Radugin, 2001: 51).

Tuy vậy, theo Radugin không nên đánh đồng văn hóa với thế giới các biểu tượng. Bởi văn hóa là tổng thể tinh lực của con người được tồn tại và phát triển thông qua tính tích cực sáng tạo của từng người. Sự không đồng nhất đó được nhà triết học Pháp Gaston Bachelard (1884-1962) cắt nghĩa rằng, biểu tượng là *hoóc môn của trí tưởng tượng* vì biểu tượng thể hiện năng lực sáng tạo của con người. Bởi thế, nếu thoát ra khỏi quan hệ nhân sinh thì biểu tượng sẽ khô héo.

^(*) PGS.TS., Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Email: ntdunghueuni@gmail.com

^(**) ThS., Trường THPT Hoàng Văn Thụ, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa; Email: minhnamteach@gmail.com

Thực ra ở đây, Radugin đã gọi ra cơ chế vận động, biến đổi của các biểu tượng thông qua vai trò của con người để quy định nội hàm của biểu tượng trong sự vận động. Nội hàm này quy định cái chết và cái sống của biểu tượng^(*), nói cách khác quy định sứ mệnh của các biểu tượng.

Biểu tượng là khái niệm có số phận long đong, một thời đã bị giới khoa học ghê lạnh. Sự ra đời của phân tâm học đã *chống lưng* cho biểu tượng phục hồi và trỗi dậy vì: "... những cách lý giải hiện đại các huyền thoại cổ xưa và sự ra đời của các huyền thoại hiện đại do những thám hiểm sáng suốt của khoa Phân tâm học. Các biểu tượng nằm ở trung tâm và là trái tim của cuộc sống giàu tưởng tượng ấy. Chúng làm phát lộ những bí ẩn của vô thức, của hành động, khai mở trí tuệ về cái chưa biết và cái vô tận" (Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, 2002: xiii).

Với tư cách là bản thể của văn hóa, sự khởi sinh của biểu tượng không có gì huyền bí. Sở dĩ biểu tượng có vẻ huyền bí vì biểu tượng xuất hình từ những hình thái văn hóa có tính chất khởi nguồn còn mang nặng dấu ấn của tâm linh như ma thuật, mọi *rắc rối* về mặt khoa học cũng bắt đầu từ đó. Ngay từ thời cổ đại, người ta đã nhìn thấy *dáng dấp* của biểu tượng trong triết học duy tâm khách quan của Platon (427-347 TCN) với sự thống ngự của ý niệm từ trên trời xuống đất. Vì vậy, Platon đã tô màu huyền bí cho ý niệm để làm phai nhạt hơi thở trần gian, đảo lộn nguồn gốc và trật tự phản ánh của ý niệm.

Theo Jean Chevalier, biểu tượng là khái niệm không thể định nghĩa, vì biểu tượng là khái niệm không giống quan

niệm truyền thống về nội hàm và ngoại diên. Ông đã mượn ý tưởng của Zénon (490-430 TCN) trong *Aporie về mũi tên* để cho rằng biểu tượng giống như mũi tên bay mà không bay, đứng yên mà vẫn biến ảo, hiển nhiên mà không nắm bắt được (Xem: Nguyễn Tiến Dũng, 2015: 45). Vì thế, để hiểu một nghĩa của biểu tượng phải dùng một tổ hợp từ để gọi mở vì không một từ nào *nhốt* được tất cả giá trị của biểu tượng. Rõ ràng, chúng ta thấy quan niệm: "Đạo khả đạo phi thường đạo. Danh khả danh phi thường danh"^(*) của Lão Tử không phải *lấn quất* mà đứng hẳn vào trong quan niệm về biểu tượng của tác giả (*Dictionnaire des symboles*).

Từ điển bách khoa Việt Nam đã giải thích biểu tượng như sau: "Biểu tượng - 1 (*triết, giáo dục*), hình ảnh của sự vật lưu lại trong óc khi sự vật không còn tác động đến giác quan nữa; hình thức cao nhất của sự phản ánh trực quan - cảm tính xuất hiện trên cơ sở tri giác. Khác với tri giác, biểu tượng không còn phản ánh rời rạc các thuộc tính của sự vật: sự vật được phản ánh dưới hình thức biểu tượng có tính chỉnh thể. Biểu tượng là hình ảnh về sự vật trong đầu óc, trong ý thức, tư duy con người. Những biểu tượng của con người, khác với ở động vật, thường được bọc bằng một lớp vỏ ngôn ngữ và chứa nhiều yếu tố của sự phản ánh khái quát. Biểu tượng là khâu trung gian giữa giai đoạn nhận thức cảm tính và giai đoạn nhận thức lý tính; 2 (*mỹ thuật và sân khấu*), phương tiện sáng tạo nghệ thuật mang ý nghĩa trừu tượng, khái quát. Biểu tượng tác động chủ yếu đến cảm xúc của người xem. Biểu tượng còn được xem như một thủ pháp nghệ thuật. Trục giác của người nghệ sĩ có

(*) Cái chết và cái sống của biểu tượng là hai khái niệm của nhà văn, nhà triết học Pháp Jean Chevalier (1906-1993).

(*) Tạm hiểu: "Đạo mà có thể diễn tả được thì không phải là đạo vĩnh cửu bất biến. Tên mà có thể đặt ra để gọi nó thì không phải tên vĩnh cửu bất biến".

vai trò rất quan trọng trong quá trình nhận thức một biểu tượng. Tùy theo những nhận thức khác nhau về biểu tượng, người ta có những cảm xúc khác nhau” (Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, 2007: 290).

Việc chia nhỏ, chia thành nhiều lĩnh vực để cắt nghĩa một đối tượng chưa hẳn đã là giải pháp tối ưu và hữu dụng về mặt khoa học, nhất là trong trường hợp cần có những kết luận khái quát. Hai cách hiểu 1 và 2 tạo nên tính khập khiễng, cho dù đã có sự phân định về *trường* phản ánh của biểu tượng bằng cách kể ra đặc trưng của hai phương thức tư duy.

Khi Jean Chevalier cho rằng biểu tượng là một khái niệm không thể định nghĩa, ông đã tìm thấy giao lộ với *Bất khả tri* của I. Kant (1724-1804), và vô tình cũng đẩy biểu tượng về phía Platon.

Với nhận thức của loài người, biểu tượng không phải là một khái niệm *bất khả tri* và càng không phải khái niệm của sự linh diệu. Sự linh diệu của biểu tượng phải được hiểu chính là sự uyển chuyển và sinh động trong *nhập cuộc* để phản ánh các phương diện của cuộc sống với một dây chuyền bất tận của tương tác: *cuộc sống - biểu tượng - văn hóa - cuộc sống - biểu tượng*. Trên cơ sở đó, Claude Lévy-Strauss (1908-2009) khẳng định: “Mọi nền văn hóa đều có thể xem như một tập hợp các hệ thống biểu tượng, trong đó xếp hàng đầu là ngôn ngữ, các quy tắc hôn nhân, các quan hệ kinh tế, nghệ thuật, khoa học, tôn giáo” (Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, 2002: xiii). Khẳng định của Lévy-Strauss đã gián tiếp bác bỏ quan niệm: *tư duy biểu tượng đối nghịch với tư duy khoa học*.

Sự xuất hiện của biểu tượng là kết quả hoạt động thực tiễn của con người ở một giai đoạn lịch sử nhất định. Điều đó có

nghĩa là hình ảnh mà biểu tượng đại diện được khắc chạm bằng chất liệu của cuộc sống. Biểu tượng không có một thế giới riêng như thế giới ý niệm của Platon. Biểu tượng là sự hóa thân của cái chung và cái riêng thành chỉnh thể. Các sự vật vô cùng đa dạng. Các quan hệ của con người vô cùng phong phú. Vì vậy, không có một ngưỡng nào để chặn lại số lượng của biểu tượng, cũng như không có một giới hạn nào không chế về tính đa diện và đa tầng của biểu tượng.

Ngược lại với quan điểm cho rằng sản xuất công cụ có trước sản xuất biểu tượng và những biểu tượng đầu tiên được tìm thấy trên các vách hang động là những hình ảnh mô tả về sinh hoạt vật chất của con người, là quan niệm cho rằng: “Nguồn gốc của biểu tượng gắn liền với khả năng đầu tiên của con người trong lịch sử nhận thức thế giới bằng thần thoại và ma thuật. Lời nói thông thường chỉ là cái bóng của ý nghĩa tâm lý và năng lượng tinh thần mà sự vật có khả năng tập trung vào nó... Ma thuật tác động đến con người do mỗi lời nói đều đã biến thành biểu tượng. Về sau tính biểu tượng được tôn giáo, nghệ thuật và các hình thức văn hóa khác kế thừa” (A.A. Radugin, 2002: 50-51).

Nhiều nhà văn hóa học Việt Nam và nước ngoài có chung quan điểm này khi khẳng định ma thuật là nguồn gốc của văn hóa. Với tư cách là bản thể luận của văn hóa, biểu tượng đã bồi đắp khuôn mẫu của mình ở ma thuật. Từ việc sản xuất biểu tượng qua các hình thức ma thuật, con người mới sản xuất ra công cụ lao động. Như vậy, ma thuật liên kết con người bằng biểu tượng và biểu tượng trở thành hình thức trực giác đầu tiên có ở con người bột phát trong ma thuật (Xem: Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Kim Lai, 2007: 52). Có thể nói, không thể thiếu biểu tượng

trong ma thuật và nơi ẩn mình đầu tiên của biểu tượng cũng là ma thuật. Xét theo logic ấy, ma thuật là nguồn gốc của văn hóa. Biểu tượng là khởi đầu của văn hóa và khởi sinh của các dạng thức văn hóa.

2. Khi chia xa người con trong loạn lạc, người cha bẻ đôi mũi tên giao cho con một nửa. Sau này gặp nhau hai nửa khớp lại, đó là dấu hiệu nhận ra nhau. Người Hy Lạp gọi mũi tên đó là *Sumbolum* (nghĩa là dấu hiệu để nhận ra nhau). Symbol là hình ảnh, là bằng chứng, là dấu tích.... do ghép lại, khớp lại những bộ phận bị chia tách của một vật thể tạo thành hay là dấu hiệu hợp nhất của sự chia tách.

Biểu 表 trong Hán ngữ có nghĩa là dấu hiệu, ký hiệu, chẳng hạn: “Do yết biểu nhi lệnh chi chi dã” - 猶揭表而令之止也 - như ra dấu hiệu để bảo cho ngừng lại vậy. Còn Tượng 像 có nghĩa là hình tượng, ví dụ: tở tượng - 塑像 - tô tượng. Như vậy, *biểu tượng là một dấu hiệu, một ký hiệu biểu hiện cho một ý nghĩa nào đó mà con người gửi gắm vào trong nó.*

Từ góc độ từ vựng và ngữ nghĩa, từ điển Larousse của Pháp đã giải thích cụ thể: Biểu tượng là dấu hiệu hình ảnh, con vật sống động, hay đồ vật, biểu hiện một điều trừu tượng, một hình ảnh cụ thể của một sự vật hay một điều gì đó. Chẳng hạn: Trung Hoa với nghĩa là ở giữa một khu vực nở hoa, là biểu tượng cho một cộng đồng phồn vinh phát triển; mặt trời mọc là biểu tượng cho tính cộng đồng của người Nhật; con Hồng cháu Lạc là biểu tượng nguồn gốc của người Việt; tứ linh (long, lân, quy, phụng) là biểu tượng của các giá trị trong chế độ quân chủ ở Trung Hoa và Việt Nam^(*)... Thực ra đây là ý nghĩa của

biểu đạt được xuất lộ trong mối quan hệ biện chứng giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt. Tuy vậy, việc *giải mã các biểu tượng* không hề đơn giản, vì không phải lúc nào người giải mã cũng đủ khả năng để *nhập cuộc* và nói theo ngôn ngữ của phân tâm học thì các biểu tượng luôn luôn làm tốt công việc nguy trang của nó.

Nếu như không có tri thức về lịch sử, về Phật giáo, về thiền, về văn học thì không thể ngộ ra ý nghĩa sâu xa, tiềm ẩn khi đối diện với *Thị đệ tử* (Dẫn đệ tử) của Vạn Hạnh Thiền sư (938-1025):

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô

Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô

Nhậm vận thịnh suy vô bố úy

Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

Dịch nghĩa:

Đời người như bóng chớp, có rồi không

Vạn thứ cây mùa xuân tốt tươi, mùa thu khô héo

Đạt đến thông hiểu rồi thì sự thịnh suy không sợ hãi

Thịnh suy chẳng qua như giọt sương treo đầu ngọn cỏ.

Và với *Cáo tật thị chúng* (Lời nói của một người bệnh viết ra để khuyên bảo mọi người) của Mãn Giác Thiền Sư (1052-1096):

Xuân khứ bách hoa lạc

Xuân đáo bách hoa khai

Sự trục nhãn tiền quá

Lão từng đầu thượng lai

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

(*) Long là uy vũ và sự tối cao của quyền lực linh thiêng; Lân là mưa thuận gió hòa, là sự xuất hiện của điềm lành (cát tường); Quy thường đi cùng với

hạc (thường thay thân phận con rùa/ Lên chùa đội hạc, xuống đình đội bia) biểu tượng của sự bền vững trường tồn; và Phụng (phượng) biểu tượng của sinh sôi nảy nở, hạnh phúc, thịnh vượng.

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Dịch nghĩa:

Xuân đi, trăm hoa rụng

Xuân đến, trăm hoa nở

Việc đời theo nhau ruổi qua trước mắt

Tuổi già hiện đến từ trên mái đầu

Đừng cho rằng xuân tàn thì hoa rụng hết

Đêm qua, một cành mai đã nở trước sân.

Đó chính là tinh thần lạc quan và *tu* nhưng vẫn ở trong đời của Phật giáo Việt Nam được gói giấu vào trong đó. Bởi thế George Gurvitch mới quả quyết: “Biểu tượng tiết lộ mà che giấu và che giấu mà tiết lộ” (Dẫn theo: Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, 2002: xxiv). Ý nghĩa xuất lộ trong quan hệ biện chứng giữa *cái biểu đạt* và *cái được biểu đạt* là tiêu chí cơ bản để phân biệt *biểu tượng* với *biểu trưng*, *biểu hiệu*, *phúng dụ*, *phù hiệu*, *nhãn hiệu*. Đó cũng là chuẩn cứ để xác định biểu tượng sống, biểu tượng chết, biểu tượng tái sinh và phục hồi cũng như những biểu hiện của biểu tượng khoa học tự nhiên.

- *Biểu trưng*: trưng 徵 là chứng cứ, triệu chứng, dấu hiệu cho phép nhận thấy, như chim bồ câu biểu trưng cho hòa bình... Có không ít trường hợp hiện thể vừa là biểu tượng, vừa biểu trưng, như *tùng, cúc, trúc, mai* (tứ quý) - biểu trưng cho cuộc sống thanh cao của người quân tử nhưng đồng thời cũng là biểu tượng của bốn mùa *xuân, hạ, thu, đông*.

- *Biểu hiệu*: hiệu 号 là làm hiệu, dấu hiệu, dưới dạng hình ảnh, theo quy ước chung để biểu thị một ý nghĩa vật chất hay tinh thần mà con người có thể cảm nhận được bằng trực quan, như quốc kỳ là biểu hiệu của tổ quốc, vòng nguyệt quế là biểu hiệu của vinh quang.

- *Phúng dụ* (Hy Lạp gọi allègoria) biểu đạt một ý tưởng trừu tượng, khái quát

bằng hình ảnh trực quan với cách nói ám chỉ, bóng gió, như “*Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn*”; “*Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao*”. Ao và cây là phúng dụ.

Theo nhà triết học Pháp Henry Corbin (1903-1978) - giáo sư nghiên cứu Hồi giáo tại École pratique des Hautes Etudes ở Paris, phúng dụ và biểu tượng khác nhau ở chỗ: Phúng dụ là một thủ thuật lý tính không bao hàm ý nghĩa chuyển dịch sang một bình diện mới của tồn tại, cũng không đào thêm vào một chiều sâu của ý thức; đây là sự biểu hình, ở cùng một cấp độ ý thức, cái mà đã có thể biết khá rõ bằng một cách khác. Biểu tượng báo hiệu một bình diện ý thức khác với cái hiển nhiên lý tính; nó là mặt mã của một bí ẩn, là cách duy nhất có thể nói ra được cái không thể nắm bắt bằng cách nào khác; nó không bao giờ có thể được cắt nghĩa một lần là xong, mà cứ phải giải mã lại mãi, cũng giống như một bản nhạc không bao giờ chơi một lần là xong, mà đòi hỏi một lối biểu diễn luôn mới. Đó cũng là lý do mà Hegel (1770-1831) xem *phúng dụ* là *biểu tượng đã nguội lạnh*. Hay *ngữ nghĩa học đã khô héo thành tín hiệu học* theo cách nhà nhân chủng học biểu tượng người Pháp Gilbert Duran (1921-2012) đã nhấn mạnh.

- *Phù hiệu*: phù 符 - vật để làm tin, vật chứng thực thân phận, chức trách xã hội của người có nó, sở hữu nó như phù hiệu của ngành hải quan, kiểm sát, y tế...

- *Thương hiệu*: Theo Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, thương hiệu là *một dấu hiệu* đặc biệt để nhận biết một sản phẩm hàng hoá hay một dịch vụ nào đó được sản xuất hay được cung cấp bởi một cá nhân hay một tổ chức. Nhãn hiệu chỉ là một phần của thương hiệu. Vì một thương hiệu có thể có nhiều nhãn hiệu khác nhau. Ví dụ, Toyota, Mazda, Honda là những

thương hiệu ô tô nổi tiếng của Nhật Bản nhưng mỗi thương hiệu lại có rất nhiều nhãn hiệu khác nhau. Nhãn hiệu là dấu hiệu để phân biệt các sản phẩm của cùng một thương hiệu

Điểm chung của *biểu trưng, biểu hiệu, phúng dụ, phù hiệu, nhãn hiệu* là mối tương quan giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt không *tràn ra ngoài* tương quan đó về mặt ý nghĩa. Nói cách khác, hình ảnh, dấu hiệu vẫn nằm trong giới hạn độ của triết học. Là phản ánh nhưng thiếu vắng sự sáng tạo, do vậy tính sinh động của phản ánh phải nằm ở một bầu trời khác với tên gọi là biểu tượng. Đó cũng là cái quy định toán học, khoa học không phải là vương quốc của biểu tượng. Nếu bước vào đó biểu tượng sẽ *khô quắt đi* trong sự cứng đờ của ký hiệu. Vì không thể biểu đạt tính chính xác, cái đã tiêu chuẩn hóa về mặt lượng và tính bằng biểu tượng, cái *luôn toan tính* tràn qua ý nghĩa biểu đạt. Jacques Monod (1910-1976), người tôn sùng trực giác và sức mạnh trí tuệ đã thẳng thắn chỉ ra không thể lạm dụng biểu tượng trong khoa học. Còn Jean Chevalier lại dùng những từ ngữ rất hình ảnh để nói về điều này: “Biểu tượng *nặng trĩu* những thực tế cụ thể. Sự trừu tượng hóa *khoét rỗng biểu tượng* và để ra ký hiệu. Nghệ thuật ngược lại *chạy trốn ký hiệu và nuôi dưỡng biểu tượng*” (Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, 2002: xix).

Biểu tượng không phải là một hình ảnh tự thân. Biểu tượng phản ánh và vận động cùng với thực tiễn. Vì vậy, biểu tượng có đời sống của nó. Các nhà văn hóa học cho rằng, sự *tráo trở*^(*) của biểu tượng là do *nội dung đời sống của biểu tượng và tính sống động trong biểu đạt*

của biểu tượng quy định. Số phận của một biểu tượng được thông diễn bởi các sinh lực biểu tượng có và ở tình trạng biểu tượng mất và biểu tượng phục hồi. Tương ứng với nó là vương quốc biểu tượng luôn có ba loại *công dân* là: *biểu tượng sống, biểu tượng chết và biểu tượng phục hồi*.

Biểu tượng không có đời sống sinh học nhưng hơi thở của biểu tượng lại có hương vị sinh học. Vì thế, S. Freud cho rằng có một sự thật không cần ngại ngùng: biểu tượng là sản phẩm của tự nhiên. Nhưng cần phải hiểu là cái không cần ngại ngùng và cũng không thể ngại ngùng chỉ dừng lại ở góc độ nguồn gốc của biểu tượng, chứ bản thân biểu tượng vẫn là một sự ngại ngùng, thậm chí ngại ngùng ở cấp độ cao nhất. Nếu không có ngại ngùng này thì biểu tượng không còn sức quyến rũ với những khám phá khoa học nữa. Biểu tượng chết. Cái chết đó là sự cáo chung cho quan hệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt vì *tất cả đã nói thành lời*. “*Khi một biểu tượng còn sống*, nó là cách biểu hiện tốt nhất một sự kiện; nó chỉ sống khi nó ứ đầy ý nghĩa. Khi ý nghĩa đó bày lộ ra, nói cách khác: khi ta tìm kiếm được một sự diễn đạt tốt hơn cái sự vật ta tìm kiếm, bất ngờ hay được dự cảm, *lúc đó biểu tượng sẽ chết*. Nó chỉ còn một giá trị lịch sử^(*)...”

Nhưng muốn cho biểu tượng còn sống, nó không chỉ phải vượt qua ý nghĩa trí tuệ và sức hấp dẫn thẩm mỹ, mà còn phải khởi tạo nên một sức sống nào đó: chỉ biểu tượng nào, đối với người nhìn ngắm nó, là biểu hiện tuyệt đỉnh của cái được dự cảm nhưng còn chưa nhận ra được, mới là biểu tượng sống. Khi đó nó giục gọi vô thức tham gia: nó để ra sự

(*) Lấy theo ý: Alejo Carpentier (1981), *Sự tráo trở của phương pháp*, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội.

(*) Ví dụ: rất nhiều biểu tượng của Liên bang Xô viết (CCCP) đến nay chỉ còn là giá trị lịch sử.

sống và kích thích sự sống ấy phát triển. Phát triển là vận động theo phủ định biện chứng. Con đường ấy đã dẫn đến một trong những tình trạng không phải mọi *cái chết* của biểu tượng sẽ vĩnh viễn chìm nghỉm trong màn đen của quá khứ mà trong những điều kiện lịch sử cụ thể chúng được *đánh thức*. Văn hóa học gọi đó là sự phục hồi biểu tượng.

Sự đánh thức đó được hiểu là làm cho biểu tượng có thêm những chiều cạnh mới để nhập cuộc. Nó không phải là *kích hoạt* (activate) lại một sim điện thoại đã cũ hay chuyển từ mạng 3G lên mạng 4G, vì đó chỉ là thao tác thuần túy cơ học. Biểu tượng ấy vẫn nằm trong lịch sử, giá trị và ý nghĩa của nó vẫn *bình yên* trong các tác phẩm nghệ thuật. Nghĩa là biểu tượng được phục hồi không xóa bỏ những ý nghĩa mà nó đã khoắc lên trong quá khứ. Và cũng không phải là *bình cũ rượu mới*, cũng không trái với quan niệm của Edmund Husserl (1859-1938) về hiện tượng (Xem: Nguyễn Tiên Dũng, 2016: 176-201). Chiều cạnh mới mà biểu tượng nhận được *tiếp sức* là sự bồi đắp dấu hiệu mới cho hình ảnh biểu đạt. Chẳng hạn, Hai Bà Trưng là biểu tượng yêu nước chống giặc ngoại xâm của người phụ nữ Việt Nam. Tinh thần ấy được phục hồi và tiếp nối trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ nhưng ngày nay lại là giới việc nước đảm việc nhà. Vì thế, khi nói về sự phục hồi của biểu tượng, Hugo Von Hofmannsthal (1874-1929) mới diễn tả một cách bóng bẩy nhưng lại mổ xẻ chính xác bản chất của sự phục hồi, đó là: *Nó đẩy cái ở gần ra xa, kéo cái ngoài xa lại gần, sao cho tình cảm có thể nắm được cả cái này cái kia*. Với cách hiểu đó, sự phục hồi của biểu tượng hoàn toàn không phải là cách tân biểu tượng theo nghĩa truyền thống.

So sánh giữa biểu tượng và ký hiệu, Jean Chevalier đã đưa ra quan niệm biểu tượng là *ảnh - động lực*. Vì biểu tượng vừa là cái biểu hiện, vừa là cái dẫn dắt tác động, ông gọi đó là tính lưỡng diện của biểu tượng. *Ảnh* (eidolon) là hình ảnh, là cái tưởng tượng, chưa đạt tới cấp độ eido, cấp độ hội tụ của eidolon - cái mà Platon đã tách ra để thành thế giới ý niệm (Xem: Nguyễn Tiên Dũng, 2015: 96-113). Hình ảnh biểu tượng sẽ khơi mào và tập hợp biểu hiện theo những chủ đề hay các hình ảnh có tính hệ tiền đề. Hình ảnh - động lực không gì khác hơn đó chính là những *mẫu gốc*^(*) nổi tiếng của C.G. Jung (1875-1961), tác động không nhỏ đến truy xét nguồn gốc văn hóa. Nói một cách khác, *biểu tượng gốc có một tên gọi khác là mẫu gốc*. Bản thân C.G. Jung đã khẳng định, các mẫu gốc không gì khác hơn là những nguyên mẫu của các tập hợp biểu tượng đã bám sâu, cắm sâu (*như người ta đào đất để xây móng nhà*) vào trong vô thức đến nỗi tự hình thành một cấu trúc và được rút gọn lại thành mẫu gốc. Bởi thế, Jung mới giải thích mẫu gốc là: “Một khả năng hình thức tái tạo lại được những ý tưởng giống nhau hoặc ít ra tương tự nhau... hoặc một tình thế cấu trúc gắn liền với tâm thần, tự nó, theo một cách nào đó, có phần liên hệ với bộ não” (Dẫn theo: Jean Chevalier, Alain Gheerbrant, 2002: xi).

Mẫu gốc trở thành khuôn mẫu tái tạo những ký ức của lịch sử nhân loại. Công lao đó thuộc về huyền thoại (Legend). Mẫu gốc phải mang ơn huyền thoại. Sự kết nối giữa huyền thoại và mẫu gốc đã cho thấy hành trình tịnh tiến của nhân loại về phía bầu trời văn hóa. Nhờ huyền thoại

(*) Chúng tôi gọi là mẫu gốc. Vì gọi cổ mẫu, theo thiên nghĩ của chúng tôi, sẽ làm giảm đi tính trực quan và liên tưởng của người tiếp nhận, nhất là đối với những tiếp nhận lần đầu tiên.

xâu chuỗi và cố định lại mà những biểu tượng rời rạc trở thành mô hình mẫu, thành mẫu gốc, thành khuôn mẫu. Nghĩa là tạo ra một cấu trúc. Các nhà văn hóa học gọi đó là quá trình tích hợp giá trị của biểu tượng và sẽ dẫn đến sự quy đồng biểu tượng để hình thành những hệ biểu tượng.

Nhận xét chung về biểu tượng hay như một sự tổng kết về ý nghĩa của biểu tượng với đời sống con người, với sự hình thành và phát triển của văn hóa, L. White đã viết trong *The science of culture* như sau: Toàn bộ hành vi ứng xử của con người đều bắt nguồn từ việc sử dụng các biểu tượng. Chính biểu tượng đã làm biến đổi tổ tiên vượn người của chúng ta trở thành người và làm cho họ có đặc trưng nhân tính. Mọi nền văn hóa được tạo ra và trường tồn mãi mãi chỉ từ việc sử dụng các biểu tượng. Biểu tượng đã làm biến đổi một đứa trẻ của người khôn ngoan (*homo sapiens*) trở thành con người thực sự. Còn người cầm đuốc lớn lên, nếu không được sử dụng các biểu tượng thì họ cũng không trở thành người đúng nghĩa. Tất cả hành vi ứng xử của con người tạo ra hoặc phụ thuộc vào việc sử dụng các biểu tượng. Hành vi của con người là hành vi mang tính biểu tượng. Nói cách khác, hành vi mang tính biểu tượng chính là hành vi của con người. Thế giới biểu tượng là thế giới của bản chất người (L. White, 1949).

Các nhà khoa học, nhất là các nhà văn hóa học, không thể không đồng tình với kết luận của L. White vì ông đã phác lộ ra được cái bản chất của biểu tượng là bản chất người, cái gốc để tạo ra giá trị nhân văn của văn hóa. Biểu tượng là người nhập cuộc đầu tiên của văn hóa. Biểu tượng không chỉ là kẻ hát bè trầm, là nhạc công mà còn là linh xướng. Vì vậy, biểu tượng là bóng và là hình của văn hóa.

Cho đến nay, đã có khá nhiều định nghĩa từ các lập trường về biểu tượng như: *triết học, văn hóa học, xã hội học...* Điểm chung của các định nghĩa thường có sự giao thoa vì biểu tượng *không của riêng ai*, là sản phẩm của loài người trong hành trình sản xuất ra đời sống tinh thần của mình. Bản thân những mẫu gốc cũng không có mẫu gốc to, mẫu gốc nhỏ, vì vậy mọi cái nhìn khoa học về biểu tượng đều phải được xem xét nghiêm túc. Xét đến cùng, mỗi định nghĩa về biểu tượng cũng chỉ là một biểu tượng mà thôi □

Tài liệu tham khảo

1. A.A. Radugin (2002), *Từ điển bách khoa văn hóa học*, Viện nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội.
2. Alejo Carpentier (1981), *Sự trá trở của phương pháp*, Nguyễn Trung Đức, Nguyễn Quốc Dũng dịch, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội.
3. Nguyễn Tiến Dũng (2015), *Lịch sử triết học phương Tây*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Tiến Dũng (2016), *Giáo trình Một số vấn đề về văn hóa và con người của triết học phương Tây hiện đại*, Nxb. Đại học Huế, Thừa Thiên-Huế.
5. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam (2007), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 1, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
6. Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Kim Lai (2007), *Văn hóa học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
7. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
8. L. White (1949), *The science of culture: A study of man and civilization*, Published by Straus Farrar, New York.